

Số: /GCN-SXD

An Giang, ngày tháng năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, pháp cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1357/GCN-SXD ngày 04/6/2024 của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng ngày 17/9/2024,

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng: Số 763/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 168 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02973.814.171

Email: kdsxdkg@yahoo.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kết cấu công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 745B đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD ANG.003

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày 04/6/2024¹./.

Nơi nhận:

- Trung tâm KĐ&DV Xây dựng;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Ban Giám đốc SXD;
- Trang TTĐT SXD;
- Lưu: VT, QLCLCT, dtai.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Cường

¹ Ngày có hiệu lực của Giấy chứng nhận số 1357/GCN-SXD ngày 04/6/2024.

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD ANG.003

(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025 của
Sở Xây dựng An Giang)

TT	Tiêu chuẩn thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật *
(1)	(2)	(3)
I	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 2011
II	THÍ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
3	- Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	- Xác định độ cứng VEBE	TCVN 3107:2022
6	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
7	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
8	- Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
9	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
10	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
11	- Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
12	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
13	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
14	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
15	- Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
16	- Xác định giới hạn bền cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
17	- Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
18	Thiết kế cấp phối bê tông	Quyết định số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998 TCVN 10796:2015
III	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
19	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006
20	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4: 2006
21	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 2006
22	-Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6: 2006
23	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006

24	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 2006
25	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 2006
26	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 2006
27	- Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
28	- Xác định hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 2006
29	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
30	- Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
31	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
32	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
IV	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
33	- Hướng dẫn thu thập vận chuyển và lưu giữ mẫu đất	TCVN 5960: 1995
34	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012
35	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012
36	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012
37	- Xác định thành phần hạt	TCVN 4198: 2014
38	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 1995
39	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012
40	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012
41	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): Phương pháp dao vòng, phương pháp đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202: 2012
42	-Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020
43	- Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01 AASHTO T209
44	- Xác định tỷ số CBR vật liệu nền, móng mặt đường trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
V	THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
45	- Thử kéo	TCVN 197: 2014
46	- Thử uốn	TCVN 198: 2008
47	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 2010 AASHTO T244-90
48	- Thử kéo bu lông	TCVN 1916: 1995 ASTM A370:02
49	- Thử không phá hủy - Thử hạt từ	TCVN 4396: 2018

VI	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
50	- Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
51	- Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
52	- Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
53	- Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
54	- Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
55	- Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
56	- Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
57	- Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
58	- Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
59	- Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
60	- Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
61	- Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
62	- Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820: 2011
63	- Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862: 2011
VII	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
64	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012
65	- Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
66	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
67	- Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
68	- Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011
69	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
70	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
71	- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
72	- Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012

73	- Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354: 2012
74	- Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
75	- Xác định cường độ của vữa và bê tông bằng phương pháp nhỏ	BS.1881-P270:92
76	- Cọc phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
77	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9365:2012
78	- Phương pháp đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong BT	TCVN 9348:2012
79	- Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
80	- Kiểm tra chất lượng cọc tại hiện trường: xác định sức chịu tải cọc theo công thức động	TCVN 9394:2012
81	- Khảo sát xây dựng	TCVN 4419-1987
82	- Khảo sát địa chất công trình	TCVN 2683-2012
83	- Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
84	- Nhà và công trình xây dựng xác định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
85	- Nhà và công trình dạng tháp xác định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
86	- Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
87	- Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
88	- Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
89	- Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
VIII	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
90	- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121-2:2022
91	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
92	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
93	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
94	- Xác định cường độ bám dính của vữa đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
95	- Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022

96	- Thiết kế cấp phối vữa	TCVN 10796:2015
IX	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
97	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
98	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
99	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
100	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
101	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
102	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
103	- Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
104	- Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
X	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
105	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
106	- Xác định cường độ nén, độ hút nước	TCVN 6476:1999
XI	THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM	
107	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
108	- Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005
109	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
110	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
111	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
XII	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG CHO HỖN HỢP ĐÁ TRỘN NHỰA	
112	- Thành phần hạt; Hệ số thích nước	TCVN 12884-2: 2020
113	- Khối lượng riêng	TCVN 12884-1: 2020 TCVN 8735:2012
114	- Độ ẩm	TCVN 12884-2: 2020
115	- Chỉ số dẻo	TCVN 12884-1: 2020 TCVN 4197:2012
XIII	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA	
116	- Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
117	- Lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
118	- Kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô	TCVN 8871-6:2011
XIV	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
119	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
120	- Xác định cường độ nén; Độ rỗng; Độ thấm nước	TCVN 6477:2016
121	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355:2009
XV	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO	

122	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
123	- Xác định độ bền uốn	TCVN 6355:2009
XVI	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
124	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
125	- Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
XVII	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - BLOCK BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC)	
126	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7959:2011
127	- Xác định cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 7959:2011

Ghi chú (*): các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.